

# TRI THỨC BẢN ĐỊA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA DÂN TỘC THÁI TỈNH SƠN LA

Đỗ Thị Mũi<sup>✉</sup>, Nguyễn Thị Hằng<sup>2</sup>,  
Bùi Thị Kim Oanh<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Sơn La là tỉnh miền núi phía Tây Bắc, có 54,7% dân số là dân tộc Thái. Trong quá trình định cư lâu dài trên mảnh đất Sơn La, người Thái đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, nhiều kinh nghiệm đúc kết thành tri thức bản địa và trở thành biểu tượng của văn hóa Thái. Với các phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích tài liệu, bài báo đã tổng quan được những tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái tỉnh Sơn La như: tri thức trong làm thủy lợi, làm đất, thời vụ, xem thời tiết, tạo phân xanh, chăn nuôi; từ đó đề xuất các giải pháp để giữ gìn, bảo tồn và khai thác các tri thức để phát triển kinh tế.

**Từ khóa:** dân tộc Thái, nương, phai, lái, lin, tri thức bản địa.

## 1. MỞ ĐẦU

Dân tộc Thái ở Sơn La, trải qua quá trình canh tác lâu dài đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm quý trong sản xuất nông nghiệp. Những kinh nghiệm đó trở thành nét văn hóa đẹp, cần phải được giữ gìn và bảo tồn. Đã có một số công trình nghiên cứu của những nhà Thái học biên soạn, ghi chép các kinh nghiệm của cha ông như tác giả Hoàng Trần Nghịch trong “lời có vắn ông cha để lại”, [1] “Phương thức giáo dục cổ truyền của dân tộc Thái” [2] đã ghi chép lại những tri thức cha ông truyền lại ở nhiều lĩnh vực. Tác giả Lâm Minh Châu [3] cũng bàn đến tri thức bản địa của người Thái về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên (Nghiên cứu trường hợp xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La). Các công trình này đều có giá trị lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc Thái. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào bàn đến tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái ở Sơn La. Bài báo này sẽ giới thiệu khái quát về dân tộc Thái ở Sơn La và những tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp, từ đó đề xuất một số giải pháp để bảo tồn, khai thác những tri thức bản địa có giá trị để phát triển nông nghiệp.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khái quát chung về tỉnh Sơn La và dân tộc Thái ở tỉnh Sơn La

<sup>1</sup> Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

<sup>2</sup> Sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

✉ Tác giả liên hệ. Email: dothimui@hpu2.edu.vn

Sơn La có diện tích rộng 14.125 km<sup>2</sup>, chiếm 4,27% diện tích tự nhiên của cả nước[4]. Tỉnh nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc, có chung đường biên giới với Lào, tiếp giáp với Hòa Bình, Phú Thọ, Điện Biên, Yên Bái. Vị trí đó rất thuận lợi để phát triển, mở rộng và hợp tác kinh tế với các tỉnh. Đặc biệt, Sơn La nằm trung tâm vùng Tây Bắc, có trục xương sống là quốc lộ 6, rất thuận lợi để nối liền khu sản xuất với khu chế biến, tiêu thụ.

Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, Sơn La có các cao nguyên rộng lớn, bề mặt khá bằng phẳng. Ngoài các cao nguyên, Sơn La có các thung lũng, đất tốt, màu mỡ, có thể trồng lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày.

Đất ở Sơn La khá đa dạng, nhiều loại đất tốt, thuận lợi để phát triển nông nghiệp và hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả có quy mô lớn. Đây cũng là cơ sở để đa dạng hóa các loại cây ăn quả, hình thành các khu vực nông sản đặc trưng riêng.

Do ảnh hưởng của vị trí địa lý và độ cao địa hình nên khí hậu Sơn La mang tính chất nhiệt đới gió mùa chí tuyến, nhưng có những nét đặc thù riêng, mùa đông lạnh khô, mùa hè nóng, ẩm, mưa nhiều.

Mạng lưới sông suối khá dày đặc, nguồn nước dồi dào, đủ nước tưới cho các vùng nông nghiệp. Nguồn nước mặt, nước ngầm có lưu lượng khá lớn. Tuy nhiên, mùa khô một số nơi thiếu nước nghiêm trọng như: Yên Châu, Sông Mã, Mường La.

Sơn La có dân số ít, nhưng tỷ lệ lao động cao. Năm 2019 tỉnh có 1,248 triệu người, lực lượng lao động đang làm việc là 769,228 nghìn người, chiếm 61,6% dân số. Lao động trong ngành nông, lâm nghiệp chiếm 80,5% tổng lao động. Số lượng lao động được đào tạo nghề chỉ chiếm 3%[4], nhưng lao động có sức khỏe, cần cù, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong trồng trọt.

Sơn La có 01 thành phố và 11 huyện, có 12 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Thái có số dân đông nhất, chiếm 54,7%, dân tộc Kinh chiếm 17,4%[4]. Dân tộc Thái Đen và Thái Trắng đều đã định cư lâu đời ở tỉnh Sơn La. Thuận Châu, Mai Sơn, Sông Mã chủ yếu là người Thái Đen. Người Thái Trắng tập trung ở các huyện Quỳnh Nhai, Phù Yên, Mộc Châu và Vân Hồ.

Người Thái cư trú ở ven sông suối và những nơi thuận tiện về nguồn nước. Tiêu chí đầu tiên để lựa chọn nơi định cư của họ là nguồn nước (sông, suối, hồ, mót nước). Vì thế, việc khai thác nguồn nước của họ rất nghệ thuật. Khai thác nước để sản xuất, sinh hoạt là những nét đẹp văn hóa mà ít dân tộc nào có được. Mường, phai, lái, lín, cọn nước và cối giã gạo nước đã trở thành biểu tượng văn hóa của dân tộc Thái.

## **2.2. Tri thức bản địa của dân tộc Thái trong sản xuất nông nghiệp**

Trải qua quá trình khai thác lâu đời, người Thái có nhiều tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp. Những tri thức trong trồng trọt như: xem thời tiết, làm thủy lợi, làm

đất; những tri thức trong chăn nuôi như: chọn giống, chữa bệnh cho gia súc, gia cầm... Tất cả những tri thức đó đã trở thành những biểu tượng của văn hóa Thái và vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay.

### *2.2.1. Tri thức bản địa trong trồng trọt*

Trồng trọt là ngành sản xuất chính của đồng bào dân tộc Thái. Trải qua quá trình định cư lâu đời, người Thái đã có nhiều kinh nghiệm trong trồng trọt như: dự báo thời tiết, làm thủy lợi, làm đất, tạo phân xanh và xác định thời vụ.

#### ***Tri thức bản địa trong việc xem thời tiết***

Người Việt có nhiều kinh nghiệm xem thời tiết qua việc “trông trời, trông đất, trông mây”. Người Thái cũng có nhiều kinh nghiệm “dự báo thời tiết” dựa vào việc quan sát bầu trời, các hiện tượng thiên nhiên, quan sát sự thay đổi hoạt động của các con vật...

Khi quan sát bầu trời, người Thái đã đúc rút được các kinh nghiệm: “Sao đây trời thì nắng, mây đây trời thì mưa”, “Trời sắp mưa sao mờ, trời sắp râm sao ần”, “Trời sấm trước không mưa”, “Nắng sắp mưa, nắng gắt/ bà góa sắp lấy chồng hay đánh con”; “Trời đội nón sắt nước dâng, trời đội nón đồng thì hạ”, “Nắng tháng tám, không bằng nắng tháng ba, nắng tháng ba vô dưa bỏ cháy sém”, “mưa không quá ngày Thìn, ngày Tý/ nắng không quá ngày Tuất, ngày Hợi” “Ráng mỡ gà, người Mường Thanh chết đói”, “trời sấm trước không mưa”, “Trời sẽ nắng sao chìm, trời sẽ mưa sao nổi”, “mưa dầm dề lâu tạnh, mưa rào thì tạnh nhanh”[1]. Những tri thức này đều được người dân vận dụng trong sản xuất, biết lợi dụng hiện tượng đó để tính lịch sản xuất. Ngày nay, những người già trong các bản Thái cũng đều dựa vào các hiện tượng quan sát được để dự báo được thời tiết, tính lịch để sản xuất nông nghiệp cho phù hợp.

Người Thái còn biết nghe tiếng các con vật để biết thời tiết và dự đoán được mùa màng: “Cóc kêu dưới ao, chuôm là mùa làm nương rẫy”. Về các tháng bắt đầu mùa mưa, ếch trong ao, chuôm kêu là trời mưa và đó cũng là mùa người Thái làm nương rẫy. Nhìn mối đùn lỗ sẽ biết được trời mưa hay trời nắng: “mối yên tổ trời nắng/ mối ra lỗ trời mưa”. Cứ nhìn vào hiện tượng đó, người Thái sắp xếp công việc làm ruộng nương. Khi biết trời sắp mưa, mọi công việc khác được gác lại để chuẩn bị làm nương cho kịp thời vụ.

Nghe các con vật kêu, để biết được mùa hay mất mùa, từ đó dự phòng lương thực trong gia đình: “cà cộ kêu bụng đói, cà cộ khàn tiếng bụng no”[2]. Đây là điều hết sức quan trọng đối với đồng bào dân tộc Thái, nhất là các bản vùng sâu, vùng xa, kinh tế còn khó khăn. Khi nghe tiếng cà cộ kêu vang, người già thường nhắc con cháu hãy để giành thóc trong bồ để dự trữ cho tháng ba giáp hạt.

Như vậy, trong sản xuất và sinh hoạt, người Thái có những kinh nghiệm xem các hiện tượng thiên nhiên, nghe tiếng các con vật để dự báo thời tiết, xác định mùa vụ và dự báo để dự trữ lương thực. Tất cả các kinh nghiệm đó cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Những người già trong bản văn coi đó là bài học để dạy cho cháu con về mùa vụ và dự trữ lương thực khi cần.

### *Tri thức bản địa trong làm thủy lợi*

Đối với sản xuất nông nghiệp nước có vị trí quan trọng. Người Thái rất coi trọng việc làm thủy lợi. Bởi vậy, họ có nhiều kinh nghiệm lấy nước đưa vào ruộng đồng. Xây dựng nương, phai, lái, lin, cọn nước, cối giã gạo nước ngày nay đã trở thành bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. Tùy theo từng vị trí, mà người Thái có cách khai thác nguồn nước để trồng trọt riêng. Khai thác nước làm ruộng, khai thác nước làm nương, khai thác nước trong sinh hoạt và thả cá...

#### *\*Đối với làm ruộng*

Dân tộc Thái sống chủ yếu ở khu vực miền núi. Họ có các cách lấy nước để sản xuất nông nghiệp riêng. Có thể dẫn nước từ trên cao xuống, có thể lấy nước từ dưới thấp lên.

#### + Cách dẫn nước từ trên cao xuống

Để làm ruộng bậc thang, người Thái phải lấy nước từ các mố xuống ruộng. Họ phải tính toán độ chênh cao giữa các ruộng, rồi ruộng cao chảy xuống ruộng thấp. Hệ thống ruộng bậc thang giúp nguồn nước được chia đều không bị chảy theo độ dốc. Nước được phân bố từ ruộng đầu tiên đến ruộng cuối cùng đồng thời độ bằng của mỗi ruộng giúp giữ được nguồn nước trên bề mặt ruộng, giữ được chất dinh dưỡng cung cấp cho cây lúa phát triển.

Nước được dẫn về tháo vào góc ruộng trên và dưới luôn được đặt so le trên mỗi bậc thang của ruộng. Với cách dẫn nước và độ cao đặt ống như trên sẽ điều chỉnh được lượng nước, bờ ruộng bậc thang có độ chênh đủ để nước chảy và cách đặt so le các ống thả nước sẽ phân phối đều chất màu mà không bị rửa trôi.

Nước đầu nguồn có thể lấy từ mố về thông qua hệ thống nương, phai, lái, lin. Lợi dụng độ dốc của dòng chảy, người Thái lấy đá ngăn suối để nước dâng cao lấy vào ruộng đó là phai. Phía trên phai xẻ một đường chảy dẫn vào cánh đồng đó là nương, từ nương xẻ rãnh chảy vào ruộng đó là lái. Lịn là cách lấy nước từ nguồn trên núi cao dẫn về ruộng bằng cây tre đục máu, nối tiếp nhau. Đây là nét đẹp văn hóa mà không có dân tộc nào của Việt Nam có được.

#### + Cách lấy nước từ dưới lên

Đây là cách lấy nước rất độc đáo của dân tộc Thái. Nước từ lòng suối thấp hơn được chuyển lên ruộng cao. Để chuyển nước từ thấp lên cao, người Thái đã làm cọn nước. Cọn nước được làm bằng tre. Tùy theo ruộng thấp hay cao để làm cọn nước có đường kính to hay nhỏ. Cọn nước thường làm có đường kính khoảng 1,5 đến 2 mét. Trên vòng tròn cọn nước có các ống tre, được coi như là cái gáo múc nước. Người Thái lựa chọn những chỗ có nền chắc chắn, kê đá để lắp cọn nước. Dựa vào dòng chảy và năng lượng nước tự nhiên, người Thái đã sáng tạo ra guồng quay lợi dụng dòng chảy của nước để đưa nước

vào ruộng theo ý muốn. Tùy từng đám ruộng cao, thấp và tốc độ dòng chảy của nước mà họ làm những cọn nước. Dụng cụ cọn nước đòi hỏi phải có kinh nghiệm chọn vị trí, kỹ thuật lắp đặt liên quan đến mùa nước cạn và mùa nước lũ. Khi nước chảy, cọn nước quay, những gáo nước sẽ múc được nước để cho vào ruộng. Cọn nước cứ làm việc cần mẫn suốt ngày đêm để đưa nước vào ruộng.

*\*Đối với trồng trọt trên nương rẫy*

Trồng trọt trên nương rẫy là nguồn thu quan trọng của người Thái. Nhưng khác với trồng ruộng nước, trồng trên nương rẫy chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nước mưa. Bắt đầu mùa mưa là mùa gieo hạt, kết thúc mùa mưa là mùa thu hoạch. Người Thái xây dựng nông lịch trong sản xuất lúa nương đều dựa vào quy luật thời tiết. Việc xây dựng và sử dụng nông lịch có ý nghĩa rất lớn trong việc canh tác của đồng bào dân tộc Thái. Đây là tri thức quan trọng giúp cho đồng bào sản xuất đúng thời vụ, tăng thêm hiệu quả và hạn chế những rủi ro trong sản xuất. Người Thái căn cứ vào kinh nghiệm xem thời tiết: mưa, nắng, gió bão để thực hiện các công đoạn trong sản xuất. Đảm bảo gieo trồng đúng thời vụ là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định đến năng suất cũng như chất lượng cây trồng.

Chọn thời điểm gieo trồng đúng vụ không chỉ giúp cho cây trồng sinh trưởng tốt, cho năng suất cao mà còn có ý nghĩa lớn trong việc chống xói mòn, bảo vệ tài nguyên đất, giữ mực nước ngầm cho dòng chảy. Dù làm ruộng hay làm nương, người Thái luôn chú trọng đến lượng mưa để xây dựng nông lịch. Những tháng ít mưa ở Sơn La là tháng 1,2, người Thái thường phát nương; tháng 4 – 5 những tháng đầu mùa mưa thì gieo hạt. Trong thời kỳ cây sinh trưởng phát triển là những tháng mùa mưa (tháng 6 – 9). Tháng 10 – 11 ít mưa thì thu hoạch mùa vụ.

Căn cứ vào quy luật thời tiết để xác định các khâu trong sản xuất nông nghiệp là tri thức bản địa quý của dân tộc Thái. Xác định đúng mùa vụ, thời điểm gieo trồng là khâu quan trọng nhất. Ở Việt Nam, hiện nay do biến đổi khí hậu, mùa mưa thất thường, nên người Thái phải dựa vào các hiện tượng thiên nhiên để biết khi nào sắp mưa mà gieo cấy trên nương cho đúng thời điểm. Nếu gieo trồng không đúng mùa mưa, cây không lên được, nếu gieo muộn, thì đến thời kỳ cây sinh trưởng, hết mưa. Bởi thế, người Thái xem các hiện tượng hoa nở, mối đùn, ếch kêu để xác định thời vụ có ý nghĩa quan trọng.

Ngoài việc xác định đúng mùa vụ, trồng trọt trên nương rẫy, người Thái cũng rất chú trọng đến kỹ thuật canh tác. Để hạn chế sự xói mòn, họ thường đào đường hào xung quanh nương hoặc đào rãnh chéo thoát nước để hạn chế bớt nước tràn qua mặt nương, giảm sự xói mòn. Đây cũng là kỹ thuật khôn khéo đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đến nay, người Thái vẫn áp dụng các biện pháp này trong canh tác trên nương rẫy.

*Tri thức bản địa trong làm đất*

Trong làm đất, những tri thức bản địa của dân tộc Thái được thể hiện qua các phương thức canh tác khác nhau. Đây là cách mà người Thái ứng xử với tự nhiên để tồn tại. Trải qua nhiều thế hệ, với những kinh nghiệm cha truyền con nối đã tạo nên những phương thức canh tác mà đến nay vẫn duy trì và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Một số phương pháp chính mà người Thái canh tác là:

\* *Làm ruộng bậc thang*: Đây là hình thức ứng xử khôn khéo của người Thái với thiên nhiên. Đất dốc, họ đã tạo mặt bằng bằng cách xây dựng ruộng bậc thang. Muốn làm được ruộng bậc thang cần có 3 yếu tố là độ dốc thấp, tầng dày tối thiểu 60 cm, đầu tư công lao động lớn. Họ san khu vực đồi, chia thành những khu vực có độ dốc bằng nhau thành một bậc thang. Nếu khu vực nào độ dốc nhỏ thì tầng bậc thang rộng, nếu khu vực nào độ dốc lớn, các ruộng bậc thang hẹp. Hệ thống ruộng bậc thang giúp người Thái sản xuất được lúa nước, giảm bớt được sự thoái hóa, bạc màu của đất, thời gian sử dụng đất dài hơn, người Thái có thể cải tạo được đất, bón phân để thâm canh lâu dài.

Khi xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La, một số bản phải di dời lên khu vực cao, các hộ đều tận dụng tối đa thiết kế diện tích đất hợp lý, tạo mặt bằng trên đất dốc để canh tác. Để giữ đất, chống xói mòn các hộ còn làm các hàng rào cây sống như cây vông, cây muồng cọc rào, hoặc trồng cỏ voi... Đối với những nơi không làm được ruộng bậc thang thì họ trồng cây theo đường bình độ để cản bớt dòng chảy khi mưa to hoặc đào rãnh khá sâu theo hướng bình độ - cách làm này được các hộ gia đình sử dụng tương đối phổ biến khi canh tác ở các vùng đất có độ dốc lớn.

\* *Xen canh cây trồng*

Canh tác trên nương rẫy ở những nơi có độ dốc lớn để bảo vệ đất khỏi bị xói mòn, rửa trôi, người Thái đã lựa chọn một số loại cây để trồng xen canh. Các hình thức xen canh như: trồng sắn với đậu tương, lạc; trồng ngô xen bí hoặc lạc; trồng ngô xen đỗ nhe

- *Trồng sắn xen lạc, đậu tương*: Trên nương sắn, người Thái trồng xen các cây họ đậu, họ lạc. Giữa các hàng sắn, người Thái trồng một đến hai hàng lạc, hoặc đậu tương. Hai loại cây này sẽ cho thu hoạch vào tháng 6, còn sắn thu hoạch vào tháng 11 – 12. Việc trồng xen lạc, đậu tương vào sắn có nhiều tác dụng. Khi trồng lạc và đậu tương vào giữa hàng sắn sẽ giữ được đất, chống xói mòn trong đầu mùa mưa, hạn chế cỏ dại. Sau khi thu hoạch, cây để lại phân bón, cải tạo đất.

- *Trồng ngô xen bí hoặc lạc lưu niên*: Trên cùng một diện tích canh tác, cùng thời vụ hạt bí đỏ được trộn với ngô giống với tỉ lệ 100 gam hạt bí/2 kg hạt ngô giống. Thời vụ thu hoạch ngô sớm hơn thời vụ thu hoạch bí đỏ (Ngô thu hoạch vào tháng 9 tháng 10, bí đỏ thu hoạch cuối tháng 10, đầu tháng 11). Với phương thức canh tác này, tận dụng được diện tích đất canh tác, tăng khả năng giữ ẩm cho đất, giảm công làm cỏ do bí bò lan che

phủ mặt đất, tăng nguồn thực phẩm cho người dân.

- *Trồng ngô xen đỗ nho nhe*: Đỗ nho nhe là loại đỗ người Thái thường sử dụng trong bữa ăn thường ngày, nấu cơm nếp, nhân bánh chưng, làm mắm (món ăn đặc biệt của người Thái – đậu thối). Khi trồng ngô, họ thường trộn lẫn hạt đỗ nho nhe để gieo. Hạt đỗ nảy mầm cùng với hóc ngô, dễ dàng cho việc làm cỏ, vun xới. Đỗ nho nhe phát triển nhanh nhất là sau khi thu hoạch ngô. Khi thu ngô xong, người Thái bẻ ngọn ngô xuống, tạo không gian cho cây đỗ phát triển. Trồng xen đỗ vừa cho thu hoạch đỗ, làm thực phẩm thường ngày, vừa có giá trị cải tạo đất. Đỗ nho nhe là cây họ đậu có nốt sần để cố định đạm từ khí ni tơ tự nhiên, khi cây già để lại trên mặt đất một lượng phân xanh đáng kể để cải tạo đất.

*\* Luân canh cây trồng*

Bảo vệ đất nương rẫy được người Thái luôn chú trọng. Có nhiều cách người Thái vẫn thường sử dụng để bảo vệ đất là luân canh cây trồng và luân canh bỏ hóa đất. Luân canh cây trồng là cách người Thái trồng 2 đến 3 vụ lúa nương, sau đó lại trồng sắn hoặc ngô. Sau đó luân canh như vậy. Khoảng 6-8 vụ luân chuyển cây trồng lại bỏ đất không để đất tự phục hồi khoảng 2 đến 3 năm. Hiện nay, người Thái bỏ đất với thời gian ngắn hơn, khoảng 1 năm. Trong năm ấy, họ trồng một số loại cây họ đậu để cải tạo đất.

Các phương pháp luân canh cây trồng hay xen canh, gói vụ trên nương có tác dụng tăng độ phì cho đất, làm đất mềm, xới trên mặt chậm xói mòn, buộc thú cây trồng này bón phân màu cho cây kia, giữ không cho cỏ dại mọc lan tràn. Việc trồng xen ngô và đỗ khá phổ biến đối với dân tộc Thái, đây là phương pháp thâm canh rất thích hợp với nương rẫy. Chính vì vậy, không có hiện tượng chuyên canh trên một mảnh đất nhất định, trong một thời gian nhất định, kể cả việc trồng các cây lương thực chính như, lúa, ngô, sắn.

*\* Tạo lớp phủ, tăng màu mỡ cho đất*

Phần lớn diện tích đất nương là đất dốc nên bị rửa trôi nhanh chóng trong quá trình canh tác. Vì vậy, việc phục hồi chất hữu cơ cho đất là phải kết hợp giữa tạo lớp phủ cho đất bằng thực vật sống hay xác thực vật đã khô kết hợp với kỹ thuật xen canh, luân canh, gói vụ và cây trồng nhiều tầng. Giữ thảm xanh bằng cách xen canh các loại cây trồng. Cây trồng chính chưa thu hoạch, người Thái trồng cây khác gói vào đó. Khi cây chính được thu hoạch, cây trồng xen bắt đầu tốt và tạo được lớp phủ cho đất. Các cây thường được trồng xen với nhau là: lúa được trồng xen đậu tương, lạc; ngô trồng xen đậu tương, lạc, khoai lang.

*\* Phát triển cơ cấu cây trồng hợp lý nhiều tầng trên đất nương rẫy*

Để cải tạo đất, người Thái xây dựng các mô hình kinh tế nông, lâm kết hợp. Hiện nay, tỉnh Sơn La có chủ trương phát triển cây ăn quả trên đất dốc, nên người Thái đã xây dựng các mô hình kinh tế như các nương lúa, ngô được trồng cây ăn quả xen vào. Một số

huyện như Thuận Châu, Mai Sơn trồng sắn xen với cây mắc ca. Huyện Mai Sơn, Yên Châu có mô hình trồng măng với cò voi để chăn nuôi. Huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Sông Mã trồng ngô, xoài, cò voi. Việc phát triển cơ cấu cây trồng vừa mang lại hiệu quả kinh tế, lấy ngắn nuôi dài, vừa bảo vệ đất, chống xói mòn. Đây cũng là cách để khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.

Như vậy, các biện pháp bảo vệ đất trong canh tác nương rẫy của dân tộc Thái trước đây và hiện nay rất đa dạng, tùy thuộc vào từng loại cây trồng và địa hình canh tác mà họ sẽ lựa chọn cách thức để bảo vệ đất, giảm sự xói mòn và rửa trôi, giữ độ màu mỡ cho đất trồng.

#### ***Tri thức bản địa trong tạo phân xanh***

Giống như người Việt, người Thái cũng rất chú trọng đến bón phân cho cây trồng. “Gánh phân vào ruộng/ Được thêm bó lúa” “Người đẹp bởi lựa/ Lúa tốt bởi phân”[1]. Bởi thế, người Thái có những kinh nghiệm trong việc tạo phân xanh cho ruộng. Phân xanh được tạo như sau:

Chuẩn bị cây, họ phát cỏ quanh bờ ruộng, ủ xuống đất, tạo phân xanh tại chỗ. Đây là cách mà người Thái thường làm vào khoảng tháng 2, tháng 3 dương lịch. Lúc đó sắp đến mùa mưa, ruộng đã bắt đầu có nước. Cỏ cây được vùi xuống, phân hủy làm chất màu cho đất. Ngoài ra, người Thái còn chặt một số loại cây thường mọc ven đường, trên đồi như lá chó đẻ, lá bát tràng, lá xoan... Các loại lá này được băm nhỏ, ủ lại ngay tại ruộng sau đó đem rải đều ra ruộng. Loại phân xanh cải tạo đất, tăng độ mùn cho đất. Hiện nay, người Thái vẫn đang sử dụng phương pháp này để cải tạo đất. Điều này vừa giảm được chi phí, vừa giữ được đất luôn tơi xốp và chất lượng lúa gạo ngon hơn khi sử dụng phân hóa học.

#### ***Tri thức bản địa trong xác định thời vụ***

Người Thái làm ruộng rất chú trọng đến thời vụ. Trồng trọt đúng thời vụ thì mới có kết quả tốt, “Tra lúa nương quá sớm rậm cỏ/ Tra muộn quá gặp mưa”; Đến mùa thì dù việc khẩn thiết đến đâu cũng phải làm mùa cho kịp thời vụ: “Mùa nương con thụt chân lỗ giát, mùa ruộng cháu rơi sàn cũng mặc...”; “Trồng trọt đúng thời vụ/ Làm nhà lo canh cửi”.. Người Thái nhìn các hiện tượng, hay sự phát triển của một số loại cây trồng để trồng hay thu hoạch cây trồng cho đúng mùa vụ: “Đum đùm chín – gieo mạ/ Quả vối chín – cấy lúa”; “Hạt ban rụng đốt nương/ Hạt ban rơi nảy mầm thì gieo” ; “Tháng ba ruộng đang cây/ Nương đang cào/vườn chàm thời đang cấy”; “Tháng 10 trồng lúa/ Tháng 9 trồng ngô”. Người Thái xác định lịch nông vụ bằng việc nhìn các hiện tượng thiên nhiên. Hiện nay, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu có một số loại quả chín và cây ra hoa khác với trước (có thể dao động trong 15 đến 20 ngày), nhưng, người Thái vẫn theo các loại cây quả đó để cày, cấy. Điều đó, thể hiện được niềm tin tuyệt đối vào những tri thức bản địa của họ.



### 2.2.2. Tri thức bản địa trong chăn nuôi

Chăn nuôi của người Thái chưa phát triển. Các hộ gia đình chỉ nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà... để làm sức kéo, phân bón và phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Tuy nhiên, trâu bò cũng như các con vật khác luôn được xem là bạn thân thiết của nhà nông. Họ chăm sóc cẩn thận nên có những vốn tri thức nhất định trong việc chọn giống, chăm sóc gia súc khi ốm, hay phòng bệnh trước những lúc giao mùa.

Đối với việc chọn giống gia súc, người Thái đã đúc rút được kinh nghiệm: chọn giống trâu: thân dài, đầu to, trán phẳng, lưng nở, khi đứng phía sau phải cao hơn phía trước. Những con trâu có hình dáng như vậy khi nuôi sẽ ít bệnh và có sức kéo tốt. Họ cũng có kinh nghiệm chọn giống trâu “tai lá mít, đít lồng bàn” như người Việt. Những con như vậy thì khỏe, dễ nuôi, ít bệnh và kéo cày tốt.

Đối với giống gà, thường họ chọn giống gà di, chân nhỏ, mình tròn để có khả năng đẻ sai, ấp tốt và nuôi con khéo. Đối với gà trống chuồng, phải chọn con chân thẳng, cao, mào to. Hiện nay đã có nhiều giống gà mới, nhưng các hộ gia đình người Thái vẫn giữ giống gà bản địa để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng.

Việc chăm sóc các vật nuôi bị bệnh, người Thái cũng có những bài thuốc hay, rất hiệu nghiệm. Chữa bệnh tiêu chảy lấy lá cây co má sắn (cây xỏ) ngâm vào nước muối cho trâu ăn thì sẽ khỏi bệnh”. Cây sỏ, có vị hơi đắng, chát, ngâm thêm nước muối cho trâu, bò uống sẽ trị bệnh tiêu chảy. Thường khi trâu, bò bị tiêu chảy, người Thái lấy lá cây này, ngâm với nước muối khoảng 10 phút, cho trâu, bò ăn từ 2 đến 3 lần là sẽ khỏi bệnh.

Nếu trâu bị bệnh long móng dùng nước mặng chua, quả chanh thấm vào chỗ bị bệnh thì vết long sẽ khô dần và khỏi bệnh. Nước mặng chua, hoặc quả chanh có chứa axit khi nhỏ vào chân trâu, bò sẽ làm sạch, diệt vi trùng ở chân trâu, bò, làm cho chân trâu, bò nhanh khô và khỏi bệnh. Khi trâu, bò bị bệnh, họ lấy nước mặng chua hoặc chanh nhỏ vào móng chân trâu bò. Nhỏ liên tục trong 3 đến 5 ngày, trâu, bò sẽ khỏi bệnh. Hiện nay, khi phát hiện ra trâu, bò có biểu hiện bị long móng là người Thái đã nhỏ ngay nước mặng chua bệnh sẽ nhanh khỏi hơn, không để trâu, bò bị nặng mới chữa.

Nếu trâu, bò bị cảm lạnh che chắn chuồng, đốt lửa sưởi ấm, cho uống nước tời. Đặc biệt vào thời kì giao mùa từ mùa thu sang mùa đông, để phòng bệnh cho trâu, bò, người Thái thường giã tời, trộn với thức ăn (ngô, cám) cho trâu, bò và cả gia cầm ăn để phòng bệnh. Hiện nay, nhiều hộ gia đình vẫn duy trì cách thức này và có hiệu quả cao. Cách thức này chi phí ít và vẫn có giá trị phòng tránh bệnh rất tốt cho gia súc và gia cầm.

### 2.3. Một số biện pháp để bảo tồn, khai thác tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp của dân tộc Thái tỉnh Sơn La

Trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, dân tộc Thái có lịch sử phát triển lâu đời và

có nền văn hóa phong phú, độc đáo. Người Thái có tiếng nói và chữ viết riêng. Họ có vị trí, vai trò quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Địa bàn cư trú của người Thái là những nơi đa dạng về tài nguyên thiên nhiên và trọng yếu về quốc phòng, an ninh. Chung sống với tự nhiên, khai thác tự nhiên, người Thái đã đúc rút được nhiều tri thức quý trong cuộc sống. Những tri thức đó đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Nhiều tri thức hiện nay vẫn đang được khai thác và sử dụng. Cần có những biện pháp bảo vệ, khai thác và giữ gìn, tránh bị thất truyền, mai một các tri thức quý giá đó.

Để bảo vệ tri thức bản địa khỏi bị mai một, cần biên soạn những tri thức đó thành sách. Sách biên soạn và sắp xếp thành các nội dung: tri thức trong sản xuất nông nghiệp, tri thức trong sinh hoạt, những luật tục của người Thái... Sách có thể được viết bằng cả tiếng Thái và tiếng Việt. Biên soạn thành sách sẽ lưu truyền các tri thức đó cho nhiều thế hệ mai sau.

Kiểm kê, nhận diện các tri thức bản địa mà vẫn còn áp dụng và có ý nghĩa trong thực tiễn. Biên tập và tổ chức giới thiệu, có thể đưa vào trong nhà trường dạy trong những giờ học ngoại khóa để lưu truyền các tri thức đó cho thế hệ cháu con.

Để tìm hiểu, giữ gìn bản sắc văn hóa và những tri thức bản địa, có thể tổ chức hội thảo khoa học nghiên cứu về tri thức bản địa của dân tộc Thái ở Sơn La. Từ đó, biên soạn các báo cáo thành tài liệu để lưu truyền lại cho các thế hệ sau.

Ngoài việc bảo tồn, lưu giữ tri thức bản địa, có thể khai thác những tri thức do cha ông để lại vào mục đích kinh tế khác nhau. Những tri thức trong trồng trọt như: làm thủy lợi, làm đất, xác định mùa vụ,... chọn giống gia súc, gia cầm, chăm sóc gia súc, gia cầm bị bệnh vẫn được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp. Có thể khôi phục, xây dựng lại hệ thống nương, phai, lái, lin, cọn nước, cối giã gạo... ở những vùng thuận lợi để vừa phục vụ sản xuất, vừa phát triển du lịch.

Hiện nay, nhiều vùng sản xuất lúa nước ở Sơn La đã có hệ thống thủy lợi tương đối tốt do nhà nước đầu tư từ chương trình 135, nên hệ thống nương, phai, lái, lin và cọn nước không được sử dụng nhiều. Để lưu giữ lại những nét văn hóa này, trên địa bàn một số huyện có diện tích lúa nước lớn và có số khách du lịch đông như: Yên Châu, Thuận Châu, Mường La, TP Sơn La nên lựa chọn địa điểm và xây dựng hệ thống nương, phai, lái, lin, cọn nước để vừa phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa khai thác vào hoạt động du lịch.

Thiết kế mô hình ruộng bậc thang dựa vào đặc điểm và độ cao địa hình. Có thể xây dựng ruộng bậc thang thành các hình dạng khác nhau như: trái tim, mâm xôi, bông hoa... và lựa chọn cây trồng phù hợp vừa mang lại giá trị kinh tế từ cây trồng, vừa mang lại giá trị kinh tế từ hoạt động du lịch. Ở một số khu ruộng, vừa cấy lúa, vừa thả cá để thu hút khách du lịch cộng đồng tham gia hoạt động trải nghiệm. Thiết kế các hoạt động luôn chú trọng tới việc bảo vệ môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

Các hoạt động sản xuất trên nương, rẫy của người Thái Sơn La đã sự thay đổi đáng kể. Các nương ngô, sắn trước đây đã được thay bằng các nương trồng cây ăn quả. Để khai thác có hiệu quả hơn, cần xây dựng mô hình trồng cây ăn quả gắn với du lịch cộng đồng. Chú trọng vào hai thời điểm thu hút khách du lịch tới tham quan là mùa hoa và mùa thu hoạch quả. Khi mùa hoa đến, các nhà vườn có thể cho khách du lịch vào thăm quan, chụp ảnh có thu phí. Khi đến mùa thu hoạch, các nhà vườn có thể cho khách du lịch thăm quan và cùng thu hoạch có thu phí. Qua mô hình này, người Thái vừa tăng thêm thu nhập vừa quảng bá các loại trái cây đặc sản đối với du khách.

Xây dựng chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở, không nuôi nhốt trâu bò, gia cầm dưới gầm sàn để đảm bảo vệ sinh. Tiếp tục sử dụng các phương thức dân gian trong phòng và chữa một số bệnh thông thường cho gia súc, gia cầm như: đi ngoài, cảm cúm, long móng... Giữ gìn một số giống gia cầm bản địa có những ưu điểm phù hợp với điều kiện tự nhiên, ít bị bệnh và có chất lượng thịt thơm ngon.

### 3. KẾT LUẬN

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số đang được sự quan tâm của Đảng và nhà nước. Đồng bào dân tộc Thái có tiếng nói, chữ viết riêng, có những tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp như tri thức làm thủy lợi, làm đất, tạo phân xanh, xem thời tiết, xác định thời vụ, chăn nuôi rất quý giá. Những tri thức đó đã trở thành những nét văn hóa đẹp, có thể khai thác vào phát triển du lịch. Cần có những giải pháp khai thác, bảo tồn, xây dựng các mô hình kinh tế để khai thác những giá trị văn hóa đó để phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng.

*Lời cảm ơn:* Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường ĐHSP Hà Nội 2 cho đề tài khoa học, mã số: SV.2020.SP2.32.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trần Nghịch, (2005), *Lời có văn ông cha truyền lại*, NXB Văn hóa dân tộc.
2. Hoàng Trần Nghịch, (2011), *Phương thức giáo dục cổ truyền của dân tộc Thái*, Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật tỉnh Sơn La.
3. Lâm Minh Châu (2007), *Tri thức địa phương của người Thái về sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên (Nghiên cứu trường hợp xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La)*, Tạp chí Dân tộc học số 5, tr 63-73.
4. Cục Thống kê tỉnh Sơn La, *Niên giám thống kê tỉnh Sơn La năm 2014, 2017, 2019*.
5. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.

## INDIVIDUAL KNOWLEDGE IN AGRICULTURE PRODUCTION OF THE Ethnicity of THAI SON LA

*Do Thi Mui, Nguyen Thi Hang,  
Bui Thi Kim Oanh*

**Abstract:** *Son La is a mountainous province in the Northwest, with 54.7% of the population being Thai. In the process of long-term settlement on Son La land, the Thai people have gained a lot of experience in agricultural production, many experiences have been condensed into indigenous knowledge and become a symbol of Thai culture. With the methods of collecting, synthesizing and analyzing documents, the article has overviewed the indigenous knowledge in agricultural production of Thai ethnic group in Son La province such as knowledge in irrigation, soil preparation, seasonality, watch weather, create green manure, raise livestock; thereby proposing solutions to preserve, preserve and exploit knowledge for economic development.*

**Keywords:** *Thai ethnic group, ditch, fade, drive, lin, indigenous knowledge.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 31-8-2022; ngày phản biện đánh giá: 11-9-2022;  
ngày chấp nhận đăng: 03-10-2022)*